



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thông tin chung

Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng

91/GCN-UBCK cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng

31/GCN-UBCK cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng đã được điều chỉnh bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng số 05/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đầu tư đại chúng và giấy chứng nhận điều chỉnh của nó được cấp bởi Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại diện Quỹ

Ông Trần Đắc Sinh	Chủ tịch
Bà Vương Thị Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Khánh	Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)

Trụ sở đăng ký

Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1
Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn lọc (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính và danh mục của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Thay mặt Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”) được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đã tăng 93,52% so với NAV của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ là kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của Quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

Quỹ được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: tiền gửi tại ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành, quyền và các tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ nắm giữ, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Phân loại của Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

8. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021:

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 363.981.538,86 chứng chỉ quỹ
- Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá: 3.639.815.388.600 VND
- Tổng giá trị tài sản ròng: 5.101.533.601.265 VND

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận của mình. Toàn bộ lợi nhuận tạo ra từ hoạt động được tích lũy tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2021.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	30/6/2021	30/6/2020	30/6/2019
	(%)	(%)	(%)
Danh mục chứng khoán	97,82	48,24	95,85
Tài sản khác	2,18	51,76	4,15
Total	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/6/2021	30/6/2020	30/6/2019
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	5.101.533.601.265	430.568.661.023	51.471.366.168
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ)	363.981.538,86	62.643.520,04	6.538.567,18
2.3. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (VND)	14.015,91	6.873,31	7.871,96
2.4. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ cao nhất trong kỳ (VND)	14.024,02	8.219,80	8.800,81
2.5. Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ thấp nhất trong kỳ (VND)	9.737,26	5.186,22	7.442,44
2.9. Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (so với kỳ trước) (%)	46,78%	(191,24%)	(19,64%)
2.13. Chi phí hoạt động của Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	1,36%	3,26%	3,88%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	171,54%	298,23%	60,16%

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm
- 1 năm (30/6/2020 – 30/6/2021)	103,92	103,92
- 3 năm (30/6/2018 – 30/6/2021)	68,42	18,98
- Từ khi thành lập (2/3/2018 – 30/6/2021)	40,16	10,71

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	30/6/2021 (%)	30/6/2020 (%)	30/6/2019 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng/ Chứng chỉ quỹ (%)	103,92%	(12,69%)	(5,41%)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

III. Mô tả thị trường

VN-Index tăng 6,1% trong tháng 6, ghi nhận tháng tăng thứ 5 liên tiếp trong năm 2021. VN-Index đóng cửa tại mức kỷ lục 1.409 điểm, tăng 27,6% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình trong quý II năm 2021 đạt hơn 19,700 tỷ, tăng hơn 38,1% so với quý I năm 2021. Thanh khoản trung bình trong 6 tháng đầu năm 2021 cũng vượt 17,000 tỷ, tăng gấp 4,7 lần so với cùng kỳ năm 2020.

Những điểm chính của thị trường trong nửa đầu năm 2021:

- i) VN-Index vượt đỉnh lịch sử với khối lượng cao kỷ lục, chỉ số bất ngờ điều chỉnh vào đầu tháng 7;
- ii) Dòng tiền luân chuyển giữa các nhóm ngành trong tháng 6;
- iii) Tài khoản nhà đầu tư cá nhân tiếp tục tăng mạnh, trong khi số dư tiền có dấu hiệu giảm và cho vay margin vẫn ở mức kỷ lục;
- iv) Lợi nhuận doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, thị trường có thể cần thời gian tích lũy.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

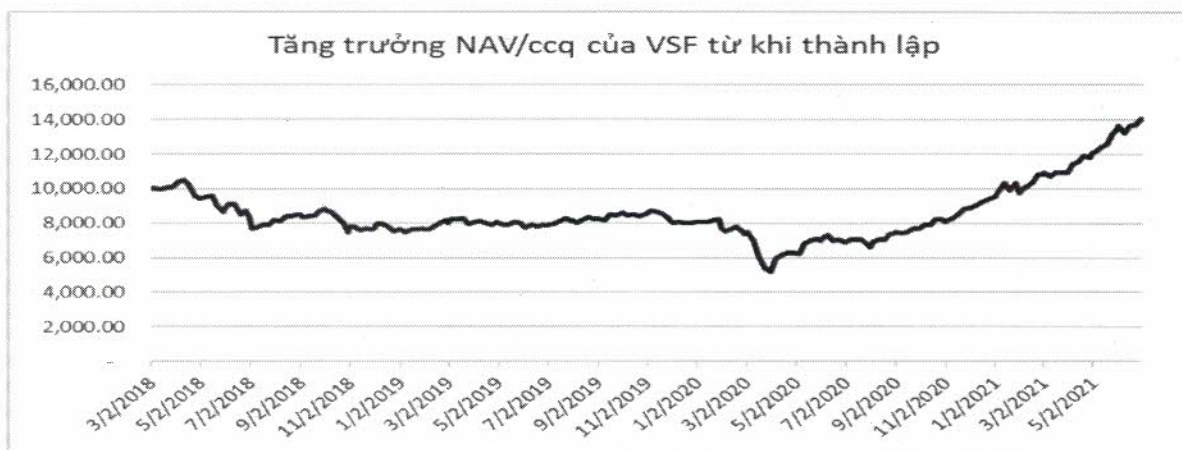
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 CCQ	18,21%	(14,89%)	(14,89%)
Tăng trưởng vốn/1 CCQ	28,57%	(1,89%)	(1,89%)
Tổng tăng trưởng/1 CCQ	89,85%	74,21%	591,09%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 CCQ	89,85%	20,32%	11,96%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 CCQ (**)	Không có	Không có	Không có

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)



- Thay đổi Giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	Tỷ lệ thay đổi %
	[1]	[2]	[3]=([1]-[2])/[2]
Giá trị tài sản ròng	5.101.533.601.265	430.568.661.023	1.084,84
Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	14.015,91	6.873,31	103,92

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo

Quy mô nắm giữ (Số lượng chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5,000	13	34.500	0.009%
Từ 5,000 đến dưới 10,000	2	13.500	0.004%
Từ 10,000 đến dưới 50,000	3	92.000	0.025%
Từ 50,000 đến dưới 500,000	1	130.000	0.036%
Từ 500,000 trở lên	3	363.711.538,86	99.926%
Tổng	22	363.981.538,86	100%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Tăng trưởng GDP Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 đạt 5,6% (cùng kỳ năm 2020 tăng 1,8%). Kinh tế tiếp tục duy trì đà hồi phục nhờ tăng trưởng hoạt động sản xuất, chiếm 38% tổng GDP, tăng 8,4%, kéo theo hoạt động thương mại phát triển mạnh. Cụ thể, xuất khẩu tăng 28,5% đạt \$158 tỷ, nhập khẩu tăng 36,3% đạt \$159 tỷ. Hai lĩnh vực còn lại là dịch vụ (40% GDP) và nông nghiệp (12% GDP), tăng lần lượt 4% và 3,8%. Hoạt động kinh tế trong nước có dấu hiệu chậm lại trong tháng 6 khi Việt Nam bắt đầu áp dụng giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh thành lớn, thể hiện qua mức độ di chuyển giảm 40% so với cùng kỳ. Ngành dịch vụ và bán lẻ chịu ảnh hưởng lớn khi tổng số hành khách vận chuyển và doanh số bán lẻ giảm lần lượt là 13% và 2% trong tháng 6. Đối với hoạt động sản xuất, chỉ số PMI giảm xuống 44 từ mức 53 của tháng 5, do một số khu công nghiệp tạm dừng sản xuất. Tuy nhiên, Chính phủ không thay đổi kế hoạch đã đưa ra mà thay vào đó đặt ra 2 kịch bản tăng trưởng 6% và 6,5%. Đồng thời, Thủ tướng đã thông qua gói hỗ trợ tài chính trị giá 26.000 tỷ và đang chuẩn bị thông qua chương trình miễn giảm thuế trị giá gần 115.000 tỷ. Hơn nữa với gần 10% dự trữ về tài khóa so với mức trần nợ công 65%, kỳ vọng các gói hỗ trợ kinh tế tiếp theo sẽ sớm được công bố và Chính phủ sẽ nỗ lực đẩy nhanh giải ngân đầu tư công tập trung vào các dự án phát triển hạ tầng trong nửa cuối năm nay.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà giữ chức vụ Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam từ 2010 đến 12/3/2021 và từ 13/3/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.
- Ông Trần Lê Minh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam từ 2011 đến 12/3/2021 và từ 13/3/2021 đến nay là Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

Ban Đại diện Quỹ gồm có:

- Ông Trần Đắc Sinh, Chủ tịch, Tiến sỹ Kinh tế. Ông từng là Vụ trưởng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước từ năm 1997 đến năm 1999, Tổng Giám đốc/ Chủ tịch Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ năm 1999 đến năm 2016 và hiện là Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ từ năm 2016 đến nay.
- Bà Vương Thị Hoàng Yến, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Kế toán trưởng Công ty TNHH Minh Thắng từ năm 2004 đến năm 2007, Trưởng phòng kiểm toán Công ty Kiểm toán AS từ năm 2007 đến năm 2012, Giám đốc kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán FA từ năm 2012 đến năm 2013 và hiện là Giám đốc kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín từ năm 2013 đến nay.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

- Ông Nguyễn Hoàng Khánh, Thành viên, Cử nhân Luật, Luật sư. Ông từng là luật sư tại chi nhánh công ty luật Allens tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2015 đến năm 2018 và hiện là luật sư tại Văn phòng đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited.

Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:

- Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Kinh tế. Ông là Tổng Giám đốc từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 đến nay.

2. Thông tin khác

Các số liệu và thông tin liên quan trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam



Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan, ngoại trừ việc thanh toán mua lại chứng chỉ Quỹ cho kỳ giao dịch ngày 19 tháng 05 năm 2021 chi tiết như sau:

Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 32, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") và Chương V, Bản báo bạch Quỹ VFMVSF quy định việc thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ phải tuân thủ nguyên tắc sau: "Thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ."

Đến hết ngày 26 tháng 05 năm 2021, Công ty Quản lý Quỹ chưa thực hiện thanh toán tiền bán chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đối với kỳ giao dịch ngày 19 tháng 05 năm 2021 theo chi tiết trong báo cáo SR0046 – Danh sách Nhà đầu tư được thanh toán tiền chi tiết theo Đại lý phân phối của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tư cách là Đại lý Chuyển nhượng của Quỹ.

Tại ngày 27 tháng 05 năm 2021, Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện thanh toán đầy đủ tiền bán chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đối với kỳ giao dịch ngày 19 tháng 05 năm 2021.

- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bùi Thị Huyền Trang

Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên bộ phận Giám sát



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Trần Đắc Sinh, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ và thay mặt cho Nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Trần Đắc Sinh
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Nhà đầu tư Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc (“Quý”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 14 đến trang 53.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2021 và báo cáo soát xét ngày 12 tháng 8 năm 2020.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00350-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B01g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
				30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		1.424.315.936.133	(12.415.643.798)
1.1	Cổ tức được chia	02	12	12.181.275.664	155.265.000
1.2	Tiền lãi được nhận	03	13	235.723.259	27.531.002
1.3	Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	04	14	644.847.849.178	(5.678.579.803)
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	15	767.051.088.032	(6.919.859.997)
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		8.904.528.287	253.708.608
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	16	8.904.528.287	253.708.608
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		15.558.858.007	918.705.936
3.1	Phí quản lý Quỹ	20.1	20	13.393.110.707	267.990.606
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	17	751.331.284	149.707.077
3.3	Phí dịch vụ giám sát Quỹ	20.3	20	392.864.582	112.200.000
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	20	768.113.093	132.604.160
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		66.000.000	66.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		52.297.338	52.163.506
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	18	135.141.003	138.040.587
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 - 10 - 20)	23		1.399.852.549.839	13.588.058.342
VI	TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		1.399.852.549.839	(13.588.058.342)
6.1	Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	31	11	632.801.461.807	(6.668.198.345)
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32	11	767.051.088.032	(6.919.859.997)
VIII	LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TRONG KỲ (41 = 30)	41		1.399.852.549.839	(13.588.058.342)

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:

Người soát xét:





Bà Lâm Thị Loan
 Trưởng phòng Kế toán quỹ

Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng

Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B02g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	5	109.570.154.255	186.862.518.769
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		109.570.154.255	186.862.518.769
2	Các khoản đầu tư	120		4.993.655.007.350	2.450.750.194.400
2.1	Các khoản đầu tư	121	6	4.993.655.007.350	2.450.750.194.400
3	Các khoản phải thu	130		1.821.568.500	780.960.000
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	7	1.821.568.500	780.960.000
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	136		<i>1.821.568.500</i>	<i>780.960.000</i>
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		5.105.046.730.105	2.638.393.673.169
II	NỢ PHẢI TRẢ				
3	Phải trả phí cho Công ty Quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ Quỹ	313		-	150.000.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		15.997.628	181.142
6	Chi phí phải trả	316	8	79.556.438	85.100.000
7	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	317		4.000.000	-
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	9	3.413.574.774	1.926.005.606
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 313 + 314 + 316 + 317 + 319)	300		3.513.128.840	2.161.286.748

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B02g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	31/12/2020 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		5.101.533.601.265	2.636.232.386.421
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	10	3.639.815.388.600	2.760.791.865.300
1.1	Vốn góp phát hành	412		3.696.993.989.600	2.802.345.466.300
1.2	Vốn góp mua lại	413		(57.178.601.000)	(41.553.601.000)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	10	(570.457.071.011)	(756.882.212.716)
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	11	2.032.175.283.676	632.322.733.837
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (430 = 400/004)	430	10	14.015,91	9.548,82
VI	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			30/6/2021 CCQ	31/12/2020 CCQ
1	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	10	363.981.538,86	276.079.186,53

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Lâm Thị Loan
 Trưởng phòng Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B03g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ	2.636.232.386.421	51.506.838.771
II	Thay đổi NAV của Quỹ trong kỳ	1.399.852.549.839	(13.588.058.342)
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	1.399.852.549.839	(13.588.058.342)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	1.065.448.665.005	392.649.880.594
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	1.085.283.000.000	396.894.000.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(19.834.334.995)	(4.244.119.406)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)	5.101.533.601.265	430.568.661.023

Ngày 11 tháng 8 năm 2021


Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Lâm Thị Loan
 Trưởng phòng Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B04g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/6/2021 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2021 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết				
1	ACB	5.259.778	35.700	187.774.074.600	3,68%
2	ACV	952.100	75.300	71.693.130.000	1,40%
3	BCM	1.392.600	54.400	75.757.440.000	1,48%
4	CTG	3.883.180	52.700	204.643.586.000	4,01%
5	DXG	2.933.210	24.000	70.397.040.000	1,38%
6	FPT	2.791.162	88.000	245.622.256.000	4,81%
7	GEX	4.652.600	22.000	102.357.200.000	2,01%
8	HPG	13.368.762	51.500	688.491.243.000	13,48%
9	MBB	8.577.135	43.350	371.818.802.250	7,28%
10	MWG	1.652.600	152.000	251.195.200.000	4,92%
11	NVL	2.044.053	121.000	247.330.413.000	4,84%
12	PNJ	2.037.870	100.100	203.990.787.000	4,00%
13	REE	2.218.490	57.700	128.006.873.000	2,51%
14	SAB	430.800	169.100	72.848.280.000	1,43%
15	STB	5.665.600	30.600	173.367.360.000	3,40%
16	TCB	8.836.470	52.700	465.681.969.000	9,12%
17	VCB	2.133.860	116.400	248.381.304.000	4,86%
18	VHM	1.840.000	118.000	217.120.000.000	4,25%
19	VIC	1.788.190	119.000	212.794.610.000	4,17%
20	VPB	5.637.500	67.700	381.658.750.000	7,48%
21	VRE	6.930.970	31.750	220.058.297.500	4,31%
22	VTP	1.514.330	82.400	124.780.792.000	2,44%
IV	Quyền mua chứng khoán				
1	GEX	4.647.600	6.000	27.885.600.000	0,55%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B04g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2021 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
V	Các tài sản khác		
1	Tiền lãi và cổ tức phải thu	1.821.568.500	0,04%
VI	Tiền gửi ngân hàng		
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	109.570.154.255	2,15%
VII	Tổng giá trị danh mục	5.105.046.730.105	100%

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Lâm Thị Loan
 Trưởng phòng Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	1.399.852.549.839	(13.588.058.342)
2	Các khoản điều chỉnh:	02	(767.046.549.402)	6.924.536.503
	Chênh lệch (tăng)/giảm thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	(767.051.088.032)	6.919.859.997
	Tăng chi phí trích trước	04	4.538.630	4.676.506
3	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05	632.806.000.437	(6.663.521.839)
	Tăng các khoản đầu tư (Tăng)/giảm tiền lãi và cổ tức phải thu	20	(1.775.853.724.918)	(175.584.634.697)
	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	07	(1.040.608.500)	106.046.000
	Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư (Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	10	4.000.000	-
	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	-	21.613.446.500
	Tăng chi phí phải trả	13	(150.000.000)	306.000.000
	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	15.816.486	14.612
	Tăng chi phí phải trả	17	(10.082.192)	24.765.532
	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	17	1.487.569.168	110.043.721
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19	(1.142.741.029.519)	(160.087.840.171)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ	31	1.085.283.000.000	396.894.000.000
2	Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ	32	(19.834.334.995)	(4.244.119.406)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30	1.065.448.665.005	392.649.880.594
III	(GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỶ (40 = 19 + 30)	40	(77.292.364.514)	232.562.040.423

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B05g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
IV	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	50	186.862.518.769	1.829.904.462
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	52	186.862.518.769	1.829.904.462
V	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	55	109.570.154.255	234.391.944.885
	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	57	109.570.154.255	234.391.944.885
VI	Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ (60 = 55 - 50)	60	(77.292.364.514)	232.562.040.423

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

(a) Thông tin chung

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc Chọn Lọc (tên trước đây là Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam) (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở vào ngày 2 tháng 3 năm 2018 theo Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 2 tháng 3 năm 2018.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 70.798.450.000 Đồng Việt Nam tương đương với 7.079.845 chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Chứng chỉ quỹ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 91/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

Quỹ đổi tên thành “Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc” theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư bất thường ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 05/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2019.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành lần đầu tiên vào ngày 2 tháng 3 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung nhiều lần và lần gần nhất vào ngày 1 tháng 4 năm 2021.

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ là 70.798.450.000 Đồng Việt Nam.

Quỹ không có nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam) (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Từ ngày 2 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Lầu 15, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Đặc điểm chính về hoạt động của Quỹ

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự tăng trưởng về vốn và thu nhập từ cổ tức trong dài hạn. Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có nền tảng cơ bản tốt và kỳ vọng tăng trưởng bền vững. Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

NAV của Quỹ được xác định hàng tuần và hàng tháng. Đối với kỳ định giá hàng tuần, ngày định giá là ngày thứ Tư hàng tuần và là ngày làm việc. Trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá sẽ là ngày làm việc liền trước ngày nghỉ lễ đó.

Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ tính NAV của Quỹ sẽ tăng tương ứng.

Phương pháp xác định NAV của Quỹ

NAV của Quỹ là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ là ngày định giá. Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của Quỹ và được cập nhật tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không thấp hơn tần suất giao dịch tối thiểu theo quy định pháp luật.

Phân phối thu nhập của Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận (bao gồm nhưng không giới hạn bởi cổ tức bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc bằng tài sản). Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 (“Thông tư 198”) do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 98”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Quỹ theo nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng đối với quỹ mở ở Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Thông tư số 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau :

- | | |
|---|-------------------|
| ▪ Báo cáo thu nhập: | Mẫu B01g - QM; |
| ▪ Báo cáo tình hình tài chính: | Mẫu B02g - QM; |
| ▪ Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch chứng chỉ quỹ: | Mẫu B03g - QM; |
| ▪ Báo cáo danh mục đầu tư: | Mẫu B04g - QM; |
| ▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: | Mẫu B05g - QM; và |
| ▪ Các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ: | Mẫu B06g - QM. |

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 4(c) được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

3. Thay đổi về chính sách kế toán

Áp dụng Thông tư số 98/2020/TT-BTC

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021. Thông tư 98 thay thế Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 (“Thông tư 183”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183.

Quỹ đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 98 từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 và việc áp dụng các quy định có liên quan của Thông tư 98 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngoại trừ thay đổi chính sách kế toán đề cập ở Thuyết minh số 3, những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập của Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, và không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị nêu tại Thuyết minh 4(c)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

(iii) Xác định giá trị

Theo quy định của Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ hoặc chính sách định giá của Quỹ. Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán thực hiện theo phương pháp quy định như sau :

Trái phiếu

▪ Trái phiếu niêm yết

- Giá thị trường là giá yết (giá sạch) cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng để định giá là bình quân gia quyền của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó (giá yết bình quân gia quyền);
- Trường hợp không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán trong nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có biến động lớn theo quy định tại Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
- Trái phiếu không niêm yết
 - Giá thị trường là giá trung bình các giao dịch thực hiện thành công tại các ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống sử dụng một trong các mức giá sau:
 - Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá;
 - Giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi
 - Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
- Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản
 - Các trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản được định giá theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Cổ phiếu

Cổ phiếu niêm yết bao gồm cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCoM”).

- Giá trị thị trường sẽ được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết.

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản.

Giá trị thị trường được xác định theo các thứ tự ưu tiên như sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Chứng khoán phái sinh

Chứng khoán phái sinh niêm yết được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất của chứng khoán đó trước ngày định giá .

Trong trường hợp không có giá đóng cửa hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được định giá bằng giá mua cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Quyền mua cổ phiếu

Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định bằng hiệu số của giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới. Giá trị của quyền mua cổ phiếu bằng không (0) khi giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo thấp hơn số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong kỳ liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(g) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(h) Thuế

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Việc chi trả lợi tức của Quỹ cho các nhà đầu tư cần đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, theo đó lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo các quy định thuế hiện hành.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty Quản lý Quỹ sẽ không giữ lại khoản thuế này và đối tượng này phải có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

(i) Vốn góp và thặng dư vốn

Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

(j) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là tổng giá trị lãi/(lỗ) đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

(k) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ vào các ngày giao dịch để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Quỹ phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ mở đồng thời cũng phản ánh lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại chứng chỉ quỹ dựa trên tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Quỹ chỉ được sử dụng phần lợi nhuận đã thực hiện lũy kế của kỳ trước trừ đi lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lợi nhuận để phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia Giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(I) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(m) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trong kỳ khi phát sinh, trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

(n) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận đầu tư tại Việt Nam.

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

(p) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ này và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ trước.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty có cổ phiếu được đầu tư thể hiện trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh 4(c), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Cổ phiếu niêm yết
Quyền mua chứng khoán

Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng do đánh giá lại trong kỳ VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
3.727.899.381.561	4.965.769.407.350	1.237.870.025.789	4.965.769.407.350
-	27.885.600.000	27.885.600.000	27.885.600.000
3.727.899.381.561	4.993.655.007.350	1.265.755.625.789	4.993.655.007.350

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ phiếu niêm yết

Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch tăng do đánh giá lại trong năm VND [3]	Giá trị đánh giá lại VND [4] = [1] + [3]
1.952.045.656.643	2.450.750.194.400	498.704.537.757	2.450.750.194.400

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

7. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	1.821.568.500	780.960.000

8. Chi phí phải trả

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phí kiểm toán	49.638.630	45.100.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	29.917.808	40.000.000
	79.556.438	85.100.000

9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	30/6/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	3.070.230.355	1.624.754.218
Phải trả phí lưu ký tài sản Quỹ	122.809.215	86.653.559
Phải trả phí quản trị Quỹ	112.575.113	142.978.373
Phải trả phí giám sát Quỹ	90.060.091	47.659.456
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phí giao dịch	6.900.000	12.960.000
	3.413.574.774	1.926.005.606

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

10. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK ngày 2 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Quỹ là 70.798.450.000 VND tương ứng với 7.079.845 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 Đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ. Do Quỹ hoạt động theo hình thức Quỹ mở nên vốn góp của Quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp của Nhà đầu tư cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2020 VND	Biến động trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2021 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	280.234.546.63	89.464.852,33	369.699.398,96
Mệnh giá (2)	VND	2.802.345.466.300	894.648.523.300	3.696.993.989.600
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	(760.863.016.300)	190.634.476.700	(570.228.539.600)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)	VND	2.041.482.450.000	1.085.283.000.000	3.126.765.450.000
Vốn góp mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	(4.155.360,10)	(1.562.500)	(5.717.860,10)
Mệnh giá (6)	VND	(41.553.601.000)	(15.625.000.000)	(57.178.601.000)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	3.980.803.584	(4.209.334.995)	(228.531.411)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(37.572.797.416)	(19.834.334.995)	(57.407.132.411)
Tổng thặng dư vốn góp (9) = (3) + (7)		(756.882.212.716)	186.425.141.705	(570.457.071.011)
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (10) = (1) + (5)	VND	276.079.186,53	87.902.352,33	363.981.538,86
Giá trị vốn góp hiện hành (11) = (4) + (8)		2.003.909.652.584	1.065.448.665.005	3.069.358.317.589
NAV hiện hành/ Chứng chỉ Quỹ (12)	VND	9.548,82		14.015,91

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

11. Lợi nhuận chưa phân phối

	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/06/2021 VND	Kỳ sáu tháng kết thức ngày 30/06/2020 VND
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đầu kỳ	632.322.733.837	(13.337.236.629)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong kỳ	1.399.852.549.839	(13.588.058.342)
Trong đó		
▪ Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện chưa phân phối	632.801.461.807	(6.668.198.345)
▪ Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	767.051.088.032	(6.919.859.997)
Lợi nhuận/(lỗ lũy kế) chưa phân phối cuối kỳ	2.032.175.283.676	(26.925.294.971)

12. Cổ tức được chia

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Cổ tức đã nhận	10.359.707.164	139.005.000
Dự thu cổ tức	1.821.568.500	16.260.000
	12.181.275.664	155.265.000

13. Tiền lãi được nhận

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tiền lãi đã nhận	235.723.259	27.531.002

Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g - QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

14. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quán VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đầu kỳ VND [4]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến 30/6/2021 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	2.522.762.087.060	1.877.914.237.882	644.847.849.178	136.378.152.338	781.226.001.516

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quán VND [2]	Lỗ bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND [3] = [1] - [2]	Lỗ bán chứng khoán kế đầu kỳ VND [4]	Lỗ bán chứng khoán lũy kế đến 30/6/2020 VND [5] = [3] + [4]
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	16.483.301.000	22.161.880.803	(5.678.579.803)	(8.025.124.202)	(13.703.704.005)



Quý Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

15. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 30/6/2021 VND [2]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30/6/2021 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [4]	Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND [5] = [3] - [4]
Quyền mua chứng khoán	-	27.885.600.000	27.885.600.000	-	27.885.600.000
	3.727.899.381.561	4.993.655.007.350	1.265.755.625.789	498.704.537.757	767.051.088.032

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán VND [1]	Giá trị trường tại ngày 30/6/2020 VND [2]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 30/6/2020 VND [3] = [2] - [1]	Chênh lệch giảm đánh giá lại tại ngày 31/12/2019 VND [4]	Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND [5] = [3] - [4]



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Phí môi giới mua các khoản đầu tư (a)	5.318.900.486	234.201.799
Phí môi giới bán các khoản đầu tư (b)	3.574.824.997	19.321.446
Phí thanh toán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	10.802.804	185.363
	8.904.528.287	253.708.608

(a) Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Cổ phiếu niêm yết	5.318.900.486	234.201.799

(b) Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Cổ phiếu niêm yết	3.574.824.997	19.321.446

17. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Phí lưu ký phải trả cho Ngân hàng Giám sát	607.680.885	138.000.000
Phí giao dịch cổ phiếu phải trả cho Ngân hàng Giám sát	55.980.000	9.600.000
Phí lưu ký phải trả cho Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam	87.670.399	2.107.077
	751.331.284	149.707.077

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***19. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Ngày tính NAV	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ
1	05/01/2021	2.716.272.303.107	276.079.186,53	9.838,74	289,92
2	12/01/2021	2.861.316.976.632	276.064.186,53	10.364,68	525,94
3	19/01/2021	2.737.722.569.672	276.064.186,53	9.916,98	(447,70)
4	26/01/2021	2.855.617.315.975	276.064.186,53	10.344,03	427,06
5	31/01/2021	2.688.108.772.614	276.064.186,53	9.737,26	(606,77)
6	02/02/2021	2.754.189.496.227	276.064.186,53	9.976,63	239,37
7	08/02/2021	2.813.725.599.496	278.419.693,70	10.106,06	129,43
8	16/02/2021	2.900.625.027.364	278.419.693,70	10.418,17	312,12
9	23/02/2021	3.016.996.601.614	278.419.693,70	10.836,15	417,97
10	28/02/2021	3.016.564.442.849	278.119.693,70	10.846,28	10,13
11	02/03/2021	3.050.453.945.691	278.119.693,70	10.968,13	121,85
12	09/03/2021	3.002.047.464.032	280.211.678,32	10.713,50	(254,63)
13	16/03/2021	3.070.354.007.588	280.197.678,32	10.957,81	244,32
14	23/03/2021	3.069.908.008.897	280.194.178,32	10.956,36	(1,45)
15	30/03/2021	3.061.115.863.809	280.194.178,32	10.924,98	(31,38)
16	31/03/2021	3.073.644.001.617	280.194.178,32	10.969,69	44,71
17	06/04/2021	3.205.717.683.355	280.194.178,32	11.441,06	471,36
18	13/04/2021	3.248.822.815.421	280.194.178,32	11.594,90	153,84
19	19/04/2021	3.343.057.935.432	280.194.178,32	11.931,22	336,32
20	27/04/2021	3.307.905.484.884	280.194.178,32	11.805,76	(125,46)
21	30/04/2021	3.389.188.145.129	280.194.178,32	12.095,85	290,09
22	04/05/2021	3.423.551.846.463	280.194.178,32	12.218,50	122,64
23	11/05/2021	4.530.798.105.792	364.901.863,14	12.416,48	197,99
24	18/05/2021	4.615.611.487.180	365.206.538,86	12.638,36	221,88
25	25/05/2021	4.817.393.825.119	365.201.538,86	13.191,06	552,70
26	31/05/2021	4.932.955.596.048	365.191.538,86	13.507,86	316,80
27	01/06/2021	4.990.413.286.277	365.191.538,86	13.665,19	157,34
28	08/06/2021	4.828.263.081.447	365.191.538,86	13.221,18	(444,01)
29	15/06/2021	4.971.034.365.085	363.981.538,86	13.657,38	436,20
30	22/06/2021	4.996.722.633.702	363.981.538,86	13.727,96	70,58
31	29/06/2021	5.104.485.174.840	363.981.538,86	14.024,02	296,07
32	30/06/2021	5.101.533.601.265	363.981.538,86	14.015,91	(8,11)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		3.600.551.570.435			
Biến động cao nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm					606,77
Biến động thấp nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm					(1,46)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020

Kỳ	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
1	07/01/2020	51.424.901.010	6.372.222,18	8.070,16	(12,86)
2	14/01/2020	51.527.770.457	6.372.222,18	8.086,31	16,15
3	21/01/2020	52.208.163.477	6.372.222,18	8.193,08	106,77
4	28/01/2020	52.378.396.175	6.372.222,18	8.219,80	26,72
5	31/01/2020	49.099.614.250	6.372.222,18	7.705,25	(514,55)
6	04/02/2020	48.033.507.647	6.372.222,18	7.537,95	(167,30)
7	11/02/2020	48.680.369.240	6.372.222,18	7.639,46	101,51
8	18/02/2020	49.384.001.112	6.355.222,18	7.770,61	131,15
9	25/02/2020	47.972.594.739	6.355.222,18	7.548,53	(222,08)
10	29/02/2020	46.111.919.458	6.245.222,18	7.383,55	(164,98)
11	03/03/2020	46.666.625.362	6.245.222,18	7.472,37	88,82
12	10/03/2020	43.540.938.926	6.245.222,18	6.971,87	(500,50)
13	17/03/2020	37.405.280.060	6.115.222,18	6.116,74	(855,13)
14	24/03/2020	33.028.996.685	6.115.222,18	5.401,11	(715,63)
15	31/03/2020	29.463.157.849	5.681.045,08	5.186,22	(214,89)
16	07/04/2020	33.929.119.025	5.681.045,08	5.972,33	786,11
17	14/04/2020	34.936.397.503	5.678.045,08	6.152,89	180,56
18	21/04/2020	35.534.696.800	5.678.045,08	6.258,26	105,37
19	28/04/2020	35.669.401.559	5.678.045,08	6.281,98	23,72
20	30/04/2020	35.759.145.969	5.678.045,08	6.297,79	15,81
21	05/05/2020	35.385.690.409	5.678.045,08	6.232,01	(65,78)
22	12/05/2020	38.661.417.184	5.678.045,08	6.808,93	576,92
23	19/05/2020	39.533.706.234	5.678.045,08	6.962,55	153,62
24	26/05/2020	40.137.315.424	5.678.045,08	7.068,86	106,31
25	31/05/2020	39.678.982.086	5.678.045,08	6.988,14	(80,72)
26	02/06/2020	40.290.787.414	5.678.045,08	7.095,89	107,75
27	09/06/2020	41.483.572.154	5.678.045,08	7.305,96	210,07
28	16/06/2020	39.536.192.612	5.676.045,08	6.965,44	(340,52)
29	23/06/2020	430.472.891.858	61.236.067,12	7.029,72	64,28
30	30/06/2020	430.568.661.023	62.643.520,04	6.873,31	(156,41)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ		71.833.237.606			
Biến động cao nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm					855.13
Biến động thấp nhất của NAV trên một Chứng chỉ quỹ trong năm					(12.86)



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

20. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt

(a) Các bên liên quan

Giao dịch với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam – Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Phí quản lý Quỹ	13.393.110.707	267.990.606

Theo Điều lệ Quỹ, tỷ lệ phí quản lý Quỹ là 0,75%/năm. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên số ngày thực tế của chu kỳ định giá và NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ để đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

Giao dịch với Ban Đại diện Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	129.917.808	129.945.362

Ngoài tiền thù lao theo quy định tại Điều lệ Quỹ, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao của thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) Các hợp đồng then chốt

Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) – Ngân hàng Giám sát

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Phí dịch vụ lưu ký – bảo quản tài sản	607.680.885	138.000.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	392.864.582	112.200.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	768.113.093	132.604.160
Phí giao dịch mua, bán chứng khoán	55.980.000	9.600.000
Phí ngân hàng	4.077.700	4.794.925
Thu nhập lãi tiền gửi	235.723.259	27.531.002

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng Standard Chartered (Vietnam) Ltd. (“Standard Chartered”) làm Ngân hàng Lưu ký tài sản và Giám sát hoạt động của Quỹ. Standard Chartered đồng thời được ủy quyền từ Công ty Quản lý Quỹ để cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản và phí quản trị quỹ hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Phí lưu ký Quỹ	<ul style="list-style-type: none">NAV dưới 1.000 tỷ VND: 0,04% NAV mỗi nămNAV từ 1.000 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND: 0,035% NAV mỗi nămNAV từ 2.000 tỷ VND trở lên: 0,03% NAV mỗi nămTối thiểu 23 triệu đồng/tháng
Phí giám sát Quỹ	<ul style="list-style-type: none">0,02% NAV mỗi năm. Tối thiểu 17 triệu đồng/tháng
Phí quản trị Quỹ	<p>Từ ngày 1/1/2021 đến 31/3/2021:</p> <ul style="list-style-type: none">0,06% NAV mỗi nămTối thiểu 20 triệu đồng/tháng <p>Từ ngày 1/4/2021:</p> <ul style="list-style-type: none">NAV dưới 500 tỷ VND: 0,06% NAV mỗi nămNAV từ 500 tỷ VND đến 1.000 tỷ VND: 0,05% NAV mỗi nămNAV từ 1.000 tỷ VND đến 2.000 tỷ VND: 0,04% NAV mỗi nămNAV từ 2.000 tỷ VND đến 3.000 tỷ VND: 0,03% NAV mỗi nămNAV trên 3.000 tỷ VND: 0,025% NAV mỗi nămTối thiểu 20 triệu đồng/tháng
Phí giao dịch bù trừ chứng khoán :	<ul style="list-style-type: none">Từ ngày 1/1/2021 đến 31/3/2021: 160.000 Đồng Việt Nam/giao dịchTừ ngày 1/4/2021: 100.000 Đồng Việt Nam/giao dịch

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

21. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
<i>Tỷ lệ chi phí hoạt động</i>		
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ của Quỹ (%)	1,36%	3,26%
<i>Tốc độ vòng quay danh mục</i>		
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ của Quỹ (%)	171,54%	298,23%

22. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm cổ phiếu niêm yết, quyền mua cổ phiếu và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần và hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các cổ phiếu niêm yết của Quỹ được giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

Hoạt động giao dịch hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu của Quỹ được thanh toán hoặc thực hiện thông qua các nhà môi giới hoặc đại lý phát hành đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được nhận và tiền bán chứng khoán phải thu. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu là chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư của Quỹ vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	79.556.438	79.556.438	79.556.438
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	4.000.000	4.000.000	4.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	3.413.574.774	3.413.574.774	3.413.574.774
	3.497.131.212	3.497.131.212	3.497.131.212

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	85.100.000	85.100.000	85.100.000
Phải trả phí cho Công ty Quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ Quỹ	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	1.926.005.606	1.926.005.606	1.926.005.606
	2.161.105.606	2.161.105.606	2.161.105.606

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là không đáng kể vì Quỹ chỉ nắm giữ tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng với lãi suất rất thấp.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 4.993.655.007.350 VND (31/12/2020: 2.450.750.194.400 VND). Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN-Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 33% (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 67%). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu này giảm hoặc tăng 33% tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (31/12/2020: 67%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 1.647.906.152.426 VND (31/12/2020: 1.642.002.630.248 VND).

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	30/6/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	4.965.769.407.350	4.965.769.407.350	2.450.750.194.400	2.450.750.194.400
▪ Quyền mua chứng khoán	27.885.600.000	27.885.600.000	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	109.570.154.255	109.570.154.255	186.862.518.769	186.862.518.769
▪ Tiền lãi và cổ tức phải thu	1.821.568.500	1.821.568.500	780.960.000	780.960.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	4.000.000	4.000.000	-	-
▪ Phải trả phí cho Công ty Quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ Quỹ	-	-	150.000.000	150.000.000
▪ Chi phí phải trả	79.556.438	79.556.438	85.100.000	85.100.000
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	3.413.574.774	3.413.574.774	1.926.005.606	1.926.005.606

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Việt Nam Chọn Lọc
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thị trường UPCoM là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của quyền mua cổ phiếu được xác định bằng hiệu số của giá thị trường của cổ phiếu tại ngày báo cáo và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

23. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán dẫn đến yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

24. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

25. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 11 tháng 8 năm 2021.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam

Người lập:



Bà Lâm Thị Loan
Trưởng phòng Kế toán quỹ

Người soát xét:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

